

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Ngọc Anh

Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lịch – Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Xóm 1, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Lầu Tắc T, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Xóm 3, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lầu Tắc T kết hôn năm 2021, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xóm 1, thôn Tân Lập, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T cái tôi cao, vợ chồng chung sống không hoà hợp được, ông T sống chỉ biết sống cho

bản thân mình, không để ý đến cảm xúc của người khác, vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 11/2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Lầu Kim N, sinh ngày 19/3/2022. Hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông Lầu Tắc T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Lầu Tắc T: Ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết; do ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L với ông T ly hôn; Giao con chung cho bà L nuôi dưỡng đến ngày các con chung thành niên; ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về vụ việc “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kiều L với bị đơn ông Lầu Tắc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà với ông T kết hôn năm 2021, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xóm 1, thôn Tân Lập, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà L, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T cái tôi cao, vợ chồng chung sống không hoà hợp được, ông T sống ích kỷ, chỉ biết sống cho bản thân mình, không để ý đến cảm xúc của người khác, vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 11/2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L với ông T đã trầm trọng, kéo dài. Ông T bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, không có thiện chí hòa giải và hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà L, ông bà đã không chung sống với nhau từ tháng 11/2022 đến nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà L với ông T có 01 con chung tên Lâu Kim N sinh ngày 19/3/2022. Hiện nay con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, ông T không có ý kiến gì về con chung, bà L có yêu cầu được nuôi con chung, cháu N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo cho cháu N có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao cháu N cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên, ông T đã nhận thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Xét thấy, bà L là người trực tiếp nuôi con chung nên yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L với ông T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn; Buộc ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kiều L, xử cho bà Lê Thị Kiều L với ông Lầu Tắc T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lầu Kim N sinh ngày 19/3/2022 cho bà Lê Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Lầu Tắc T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà Lê Thị Kiều L đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013248 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Buộc ông Lầu Tắc T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kiều L có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lầu Tắc T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 69, đăng ký ngày 26/10/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ